TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số:...../2020/HNGÑ -ST
Ngày 24/9/2020.
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn P;
2/. Ông Phan Văn C.

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Văn A – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà: Bà Đoàn Vũ L- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp yêu cầu ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2020/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa:

1/. Nguyên đơn: Chị L H N, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp 9, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Anh D V M, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp 9, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị N có đơn xin vắng mặt, anh M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai chị L H N trình bày: Chị với anh D V M làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Về con chung, có 02 người con tên D L B P, sinh ngày 22/01/2009 và D L Q L, sinh ngày 21/9/2012; các con đang ở với chị, chúng tôi không có con nuôi hoặc con riêng. Về tài sản chung,

có căn nhà cấp 4, tiền chế chiều ngan 4 mét, dài 8 mét, do nhà nước cất cho cất trên đất mẹ ruột tôi tên V T D cho mượn, tọa lạc ấp 9, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, 01 chiếc Sirius biển số 94E1-079.95 và 01 chiếc xe Wave biển số 94D1-326.88, 01 cái võ và 01 cái máy HonDa, các tài sản này chị N đang quản lý. Về nợ chung: có nợ một số người nhưng chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị N yêu cầu ly hôn với ông D V M, yêu cầu nuôi con tên D L B P, sinh ngày 22/01/2009 và D L Q L, sinh ngày 21/9/2012, trước đây trong đơn khởi kiện ghi ngày 03/02/2020 chị có yêu cầu anh D V M cấp dưỡng tiền nuôi con, nay chị thay đổi yêu cầu không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh D V M vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tham gia phiên tòa là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L H N, cho chị N được ly hôn với anh D V M.

+ Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu tên Diệp Lê Bích Phương, sinh ngày 22/01/2009 và D L Q L, sinh ngày 21/9/2012 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Phương, cháu Long, nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị buộc N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị L H N kiện anh D V M về việc Hôn nhân gia đình tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại biên bản xác minh ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long đối với bà L T D, Phó chủ tịch xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long xác nhận, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh M chính quyền địa phương không nắm được, chị N và anh M có 02 người con đang sống với chị N, được chị nuôi dưỡng, được cho đi học, anh D V M đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 02 năm 2020 đến nay, có vài lần về

nhà rồi lại tiếp tục đi làm, còn địa chỉ cụ thể thì không biết. Như vậy, anh M không bõ địa phương mà chỉ đi nơi khác làm việc rồi một thời gian lại về nên việc niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh M là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên việc xét xử vắng mặt chị N, anh M là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị L H N xác định chị với anh M làm đám cưới năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại Giấy chứng nhận kết hôn ghi ngày 24/7/2007 của Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu thể hiện, chị N và anh M đăng ký kết hôn vào ngày 24/7/2007. Quan hệ hôn nhân của chị N và anh M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nay chị N yêu cầu ly hôn với anh M. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn về hôn nhân của chị N và anh M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã không còn sống chung từ tháng 02 năm 2020 đến nay, vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L H N, cho chị N được ly hôn với anh D V M.

[3] Về con chung: Theo lời khai của chị N và Trích lục khai sinh do chị N cung cấp, chị và anh M có có 02 người con tên Diệp Lê Bích Phương, sinh ngày 22/01/2009 và D L Q L, sinh ngày 21/9/2012, các cháu đang sống chung với chị N. Chị N có yêu cầu nuôi cháu Phương, Long, không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy, cháu Phương và cháu Long đang sống với Chị N, được chị nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, các cháu đều có nguyện vọng sống với chị N và để tránh làm xáo trộn cuộc sống ổn định của các cháu; Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu D L B P, sinh ngày 22/01/2009 và D L Q L, sinh ngày 21/9/2012 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời khai của chị N thì chị và anh M có một số tài sản chung, nợ chung không có tài sản chung, nhưng chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: Buộc chị L H N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39, khoản 5 Điều 177, Điều 179 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 *của Bộ luật tố tụng dân sự;*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L H N, cho chị L H N được ly hôn với anh D V M.

2/. Về con chung: tiếp tục giao cháu D L B P, sinh ngày 22/01/2009 và D L Q L, sinh ngày 21/9/2012 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3/. Về tài sản và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị L H N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004649 ngày 13 tháng 02 năm 2020 được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Anh D V M không phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, N vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và N vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Phước Long
- Đương sự
- Người tham gia tố tụng khác
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số:...../2020/HNGĐ -ST
Ngày 24/9/2020.
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quách Thanh Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Phước;
2/. Ông Phan Văn Chiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Văn An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp yêu cầu ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2020/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa:

1/. Nguyên đơn: Chị L H N, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp 9, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Anh D V M, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp 9, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị N có đơn xin vắng mặt, anh M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai chị L H N trình bày: Chị với anh D V M làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Về con chung, có 02 người con tên D L B P, sinh ngày 22/01/2009 và D L Q L, sinh ngày 21/9/2012; các con đang ở với chị, chúng tôi không có con nuôi hoặc con riêng. Về tài sản chung, có căn nhà cấp 4, tiền chế chiều ngan 4 mét, dài 8 mét, do nhà nước cất cho cất trên đất mẹ ruột tôi tên V T D cho mượn, tọa lạc ấp 9, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, 01 chiếc Sirius biển số 94E1-079.95 và 01 chiếc xe Wave biển số 94D1-326.88, 01 cái võ và 01 cái máy HonDa, các tài sản này chị N đang quản lý. Về nợ chung: có nợ một số người nhưng chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị N yêu cầu ly hôn với ông D V M, yêu cầu nuôi con tên Diệp Lê Bích Phương, sinh ngày 22/01/2009

và D L Q L, sinh ngày 21/9/2012, trước đây trong đơn khởi kiện ghi ngày 03/02/2020 chị có yêu cầu anh D V M cấp dưỡng tiền nuôi con, nay chị thay đổi yêu cầu không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh D V M vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tham gia phiên tòa là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L H N, cho chị N được ly hôn với anh D V M.

+ Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu tên Diệp Lê Bích Phương, sinh ngày 22/01/2009 và D L Q L, sinh ngày 21/9/2012 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Phương, cháu Long, nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị buộc N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị L H N kiện anh D V M về việc Hôn nhân gia đình tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại biên bản xác minh ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long đối với bà Lê Thanh Diệu, Phó chủ tịch xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long xác nhận, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh M chính quyền địa phương không nắm được, chị N và anh M có 02 người con đang sống với chị N, được chị nuôi dưỡng, được cho đi học, anh D V M đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 02 năm 2020 đến nay, có vài lần về nhà rồi lại tiếp tục đi làm, còn địa chỉ cụ thể thì không biết. Như vậy, anh M không bõ địa phương mà chỉ đi nơi khác làm việc rồi một thời gian lại về nên việc niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh M là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên việc xét xử vắng mặt chị N, anh M là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị L H N xác định chị với anh M làm đám cưới năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại Giấy chứng nhận kết hôn ghi ngày 24/7/2007 của Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu thể hiện, chị N và anh M đăng ký kết hôn vào ngày 24/7/2007. Quan hệ hôn nhân của chị N và anh M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nay chị N yêu cầu ly hôn với anh M. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn về hôn nhân của chị N và anh M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã không còn sống chung từ tháng 02 năm 2020 đến nay, vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L H N, cho chị N được ly hôn với anh D V M.

[3] Về con chung: Theo lời khai của chị N và Trích lục khai sinh do chị N cung cấp, chị và anh M có có 02 người con tên Diệp Lê Bích Phương, sinh ngày 22/01/2009 và D L Q L, sinh ngày 21/9/2012, các cháu đang sống chung với chị N. Chị N có yêu cầu nuôi cháu Phương, Long, không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy, cháu Phương và cháu Long đang sống với Chị N, được chị nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, các cháu đều có nguyện vọng sống với chị N và để tránh làm xáo trộn cuộc sống ổn định của các cháu; Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Diệp Lê Bích Phương, sinh ngày 22/01/2009 và D L Q L, sinh ngày 21/9/2012 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời khai của chị N thì chị và anh M có một số tài sản chung, nợ chung không có tài sản chung, nhưng chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: Buộc chị L H N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39, khoản 5 Điều 177, Điều 179 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 *của Bộ luật tố tụng dân sự;*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L H N, cho chị L H N được ly hôn với anh D V M.

2/. Về con chung: tiếp tục giao cháu Diệp Lê Bích Phương, sinh ngày 22/01/2009 và D L Q L, sinh ngày 21/9/2012 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3/. Về tài sản và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị L H N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004649 ngày 13 tháng 02 năm 2020 được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Anh D V M không phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, N vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và N vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Tồn

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 24 tháng 9 năm 2020.

Tại phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/.Ông Trần Văn Phước;

2/.Ông Phan Văn Chiếu.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2019/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" giữa:

1/. Nguyên đơn: Chị L H N, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp 9, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Anh D V M, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp 9, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 về tất cả các vấn đề như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39, khoản 5 Điều 177, Điều 179 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 *của Bộ luật tố tụng dân sự;*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L H N, cho chị L H N được ly hôn với anh D V M.

2/. Về con chung: tiếp tục giao cháu Diệp Lê Bích Phương, sinh ngày 22/01/2009 và D L Q L, sinh ngày 21/9/2012 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3/. Về tài sản và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị L H N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004649 ngày 13 tháng 02 năm 2020 được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Anh D V M không phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, N vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và N vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 24 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Chiếu **Dương Thị Tú Phương** **Quách Thanh Tồn**